

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42 /2021/HNGĐ- ST

Ngày 15/6/2021

*“Về việc ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Sơn Hải

2. Bà Hoàng Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Nơi đăng ký HKTT: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 14, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1987

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/4/2014. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại xã Q, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Ngày 01/01/2021 mâu thuẫn trầm trọng, anh H. có đánh chị T, chị T. có đi điều trị tại bệnh viện đa khoa H, tỉnh Phú Thọ xong chị T. đã chuyển ra thuê nhà ở trọ tại Thôn 14, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến

nay. Ngày 22/02/2021, chị T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H. ghen tuông vô cớ đánh chửi chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H. Về con chung có 01 cháu là Đặng Quốc H, sinh ngày 18/7/2014, hiện cháu đang ở với anh H. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. và không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con. Về thu nhập chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH công nghiệp Hải Mỹ Phú Thọ và đang ở trọ tại Thôn 14, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, lương tháng ổn định bình quân 4.800.000 đồng/ tháng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Văn H. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có nhận được cuộc điện thoại của một người phụ nữ nói chị T. có quan hệ tình tứ, dụ dỗ chồng của người đàn bà đó và bảo anh nhắc nhở chị T. Ngày 01/01/2021 anh tra hỏi nhưng chị T. không thừa nhận dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau, nhất thời nóng tính anh đã tát chị T. 1 cái và chị T. tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay không về nhà, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Nay chị T. có đơn ly hôn anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị T. Về con chung, có 01 con chung là cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 18/7/2014, hiện cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn anh nhận được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. và không yêu cầu chị T. cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập ở địa phương anh làm ruộng và làm lao động tự do, thu nhập ổn định bình quân 4.000.000 – 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H. cùng xác định anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại tại xã Q, huyện S thể hiện: Chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H. kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Sài Lĩnh, xã Q. Thời gian đầu hạnh phúc, khoảng 1 năm trở lại đây chị T. đi làm công nhân ở công ty, anh H. ở địa phương làm lao động tự do, thi thoảng ghen tuông vô cớ dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Anh chị có 01 con chung và cháu hiện đang sống cùng anh H. ở địa phương, chị T. đi khỏi nhà từ đầu năm 2021 đến nay không thấy về nhà lần nào.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H. kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, tại phiên tòa anh chị cùng nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H.; về con chung, đề nghị giao cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 18/7/2014 cho anh H. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị T. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H.; giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản, đất đai và công nợ chung không đề nghị giải quyết. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do anh H. ghen tuông vô cớ đánh chửi chị T. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T. và anh H. cùng có quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc việc nhất trí thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 18/7/2014. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H. cùng có quan điểm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Quá trình giải quyết cháu H. có nguyện vọng được ở với bố.

Xét, cháu H. là con chung của chị T. và anh H. nên cả 2 anh chị cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Về điều kiện công việc, thu nhập của anh H. và chị T. đều tương đương nhau và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân cháu H. sống với anh H. và hiện đang theo học ở trường tiểu học xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, anh H. có nghề nghiệp làm ruộng và lao động tự do, có chỗ ở ổn định tại địa phương; có điều kiện đưa đón và chăm sóc cháu H. Chị T. là công nhân công ty TNHH công nghiệp H. ở khu công nghiệp S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; chị T. hiện chưa có chỗ ở ổn định và đang thuê ở trọ tại xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; công việc làm theo ca từ sáng đến tối mới về nên không có thời gian, điều kiện chăm sóc cháu. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển toàn diện của cháu H, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét nguyện vọng và điều kiện của các đương sự, HĐXX thấy cần giao cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 18/7/2014 cho anh Đặng Văn H. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị T. không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh H. không có yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H. cùng xác định tự thỏa thuận chia giao, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Do quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận giải quyết được với nhau về quan hệ hôn nhân và được HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án các đương sự không thỏa thuận được nên có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T. và anh Đặng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 18/7/2014 cho anh Đặng Văn H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị T. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí LHST: Chị Nguyễn Thị T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003764 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị T. đã nộp đủ án phí của vụ án.

3. Về quyền kháng cáo:

Về quan hệ hôn nhân có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị T, anh H. được quyền kháng cáo phần còn lại của bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Q.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến

